

Số: 939 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số 4053/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh khoanh định các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 142/TTr-STNMT ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Điều 1 Quyết định số 4053/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh khoanh định các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Bổ sung 13 khu vực với tổng diện tích là 94,68ha, gồm:

1. Đá xây dựng 01 khu vực, mỏ đá Núi Nứa, xã Xuân Lập, thành phố Long Khánh diện tích 50ha.

2. Vật liệu san lấp 12 khu vực với tổng diện tích 44,68ha, cụ thể:

a) Huyện Thống Nhất: 01 khu vực có diện tích 9,4ha.

b) Huyện Xuân Lộc: 02 khu vực có tổng diện tích 5,3ha.

c) Huyện Cẩm Mỹ: 09 khu vực có tổng diện tích 29,98ha.

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác còn lại tại Quyết định số 4053/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh khoáng định các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *bc*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Địa chất Khoáng sản VN;
- Chi cục Khoáng sản miền Nam;
- Chủ tịch và các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh-Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi

**PHỤ LỤC**

Các khu vực bổ sung khoanh định các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số: 939 /QĐ-UBND ngày 24 /3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Vị trí	Tên thân khoáng	Diện tích (ha)	Ghi chú
A. ĐÁ XÂY DỰNG			50	
I. THÀNH PHỐ LONG KHÁNH			50	01 khu vực
1	xã Xuân Lập	LK.Đ1-2	50	mở đang hoạt động
B. VẬT LIỆU SAN LẤP			44.68	12 khu vực
I. HUYỆN THÔNG NHẤT			9.4	
1	xã Hưng Lộc	TN.VS4-3	9.4	
II. HUYỆN XUÂN LỘC			5.3	
1	Thị trấn Gia Ray	XL-VS1-3	3	
2	xã Lang Minh	XL-VS2-3	2.3	
III. HUYỆN CẨM MỸ			29.98	
1	Ấp 8 Thừa Đức	CM.VS1-3	5.00	
2	Xã Xuân Đông	CM.VS2-3	1.78	
3	Xã Sông Ray	CM.VS3-3	5.00	
4	Xã Xuân Bảo	CM.VS4-3	2.00	
5	Xã Nhân Nghĩa	CM.VS8-3	5.40	
6	Xã Nhân Nghĩa	CM.VS9-3	3.70	
7	Xã Xuân Quế	CM.VS11-3	3.00	
8	Xã Sông Nhạn	CM.VS15-3	1.10	
9	Ấp 4, xã Lâm San	CM.VS16-3	3.00	

